

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ, di dời
trụ điện, bình điện, đường dây điện

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ, di dời trụ điện, bình điện, đường dây điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1993.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1957. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

(Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024, ngày 04/02/2025)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Số F ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Điện lực C, tỉnh Long An (nay là Đội quản lý điện T1 – Công ty Đ).

Địa chỉ: Số C Đ, Khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn M, chức vụ: Đội trưởng. (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Số F ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức N do ông Nguyễn Phi H là người đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông Nguyễn Phi H và ông Nguyễn Đức Nghĩa L cha con.

Ông Nguyễn Đức N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 767557 ngày 19/4/2017 đối với thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, diện tích 789m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất số 551 do ông H tặng cho ông N.

Năm 2020, ông Nguyễn Hoàng N1 có hỏi xin ông H và ông N cho đặt 02 cây trụ điện để kéo đường dây điện từ trạm điện về đầm nuôi tôm của ông N1 và được cha con ông N đồng ý. Khi đó, ông N cho ông N1 đặt trụ kéo dây điện chỉ là tạm thời, không lấy tiền đền bù mục đích là để khi nào ông H, ông N cần sử dụng đất thì ông N1 có nghĩa vụ di dời 02 trụ điện và đường dây điện này đi nơi khác.

Khi đó, Điện lực Châu T yêu cầu ông N1 phải thỏa thuận với chủ đất về việc cho phép đặt trụ điện kéo đường dây điện qua đất thì Điện lực C mới đồng ý lắp đặt đường dây điện cho ông N1 nên ông N1 và ông N có ký các văn bản sau: Văn bản thỏa thuận năm 2020 và văn bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1. Ông H xác định việc ký các văn bản này chỉ để hợp thức hóa thủ tục cho ông N1 và thực tế ông N1 không có đền bù bất kỳ khoản tiền nào cho ông N.

Do hiện nay ông N có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất để cất nhà ra ở riêng nên yêu cầu ông N1 di dời 02 trụ điện, bình điện và đường dây điện này đi nơi khác nhưng ông N1 không đồng ý.

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2024, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy văn bản thỏa thuận năm 2020 giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1.

+ Hủy văn bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1.

+ Yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N1 di dời 02 trụ điện, bình điện và đường dây điện của ông N1 có trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Đức N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông N1 trình bày ông N1 và bà Trần Thị Ngọc B là vợ chồng, trụ điện và hệ thống đường dây điện đang đặt trên đất của ông Nghĩa L tài sản chung của vợ chồng ông N1, bà B nên ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu khởi kiện cuối cùng như sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B thực hiện theo thỏa thuận tại bản thỏa thuận năm 2020 và bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1 là tháo dỡ, di dời 02 trụ điện, bình điện và đường dây điện thuộc sở hữu của vợ chồng ông N1, bà B đang đặt trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Đức N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác, đề nghị Tòa án giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông N1 và bà Trần Thị Ngọc B là vợ chồng. Vào năm 2020, ông N1 và ông N có ký bản thỏa thuận năm 2020 và bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 để ông N1 được đặt 02 trụ điện, bình điện và đường dây điện trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Đức N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai trụ điện, bình điện và đường dây điện nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông.

Hai bên thỏa thuận miệng ông H, ông N không lấy tiền đền bù việc đặt trụ điện nhưng với điều kiện là ông N1 phải cho ông N kéo đường dây tải điện từ bình điện của ông N1 về ruộng của ông N để ông N xông đèn thanh long, ông N1 phải cam kết lấy tiền điện với giá gốc và 01 phần hao hụt điện. Ông N bắt đầu kéo điện xông đèn thanh long từ lúc hạ bình năm 2020 cho đến cuối năm 2024 thì ông N1 không cho ông N sử dụng điện nữa.

Lý do ông không đồng ý để ông N tiếp tục sử dụng điện: Ông không biết ông N, ông H có bao nhiêu gốc thanh long, ông chỉ biết là tại địa phương thì ông H có 03 đám thanh long. Mọi năm ông vẫn ưu tiên cho ông H xông đèn trước 2 đám. Cuối năm 2024, ông H chỉ báo với ông là xông đèn nhưng không báo cụ thể bao nhiêu đám thanh long. Ông cứ nghĩ là ông H xông 02 đám thanh long như mọi năm, nhưng thực tế ông H tự ý xông 03 đám thanh long mà không báo trước cho ông biết dẫn đến điện áp không đủ làm nhảy cầu dao chính. Khi đó,

ông điện thoại hỏi điện lực thì điện lực báo là nếu tình trạng quá tải còn tiếp diễn thì sẽ gây cháy cầu chì, điện lực xuống thăm định thì ông phải chịu chi phí từ 7.000.000 đồng trở lên. Ông có báo với ông H nhưng ông H không đồng ý, thậm chí khi ông đang chạy quạt cho đầm tôm thì ông H yêu cầu nhường cho ông H xông đèn. Do ông H vẫn xông đèn quá tải nên ông không cho ông H sử dụng điện nữa.

Ngoài ông H sử dụng chung bình điện của ông thì ông còn cho ông Nguyễn Văn N2 kéo điện về để xông đèn cho thanh long vì ông cũng phải đặt nhờ trụ điện trên đất của ông N2 mới kéo điện về tới đầm tôm của ông được. Việc đặt trụ điện trên đất của ông N2 cũng là không có đền bù và với điều kiện như ông N. Tại địa phương thì ông N2 chỉ có 01 đầm thanh long. Tuy nhiên, thứ tự ưu tiên xông đèn bao giờ cũng ưu tiên cho ông H.

Hiện nay, ông N và ông H yêu cầu ông di dời trụ điện thì ông đồng ý nhưng với điều kiện ông N, ông H phải chừa cho ông 01 phần đất khác để ông đặt lại trụ điện và vị trí này phải nằm trên đường dây trung áp của ông.

Trong vụ án này, ông N1 không có khởi kiện tranh chấp với ai, đề nghị Tòa án giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc B trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà và ông Nguyễn Hoàng N1 là vợ chồng. Vào năm 2020, vợ chồng bà và ông N có ký bản thỏa thuận năm 2020 và bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 để vợ chồng bà được đặt 02 trụ điện, bình điện và đường dây điện trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Đức N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai trụ điện, bình điện và đường dây điện này là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà thống nhất với lời trình bày của ông N1 và không bổ sung gì thêm. Trong vụ án này, bà không có khởi kiện tranh chấp với ai, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

Do bà bận việc gia đình nên bà đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án, kể cả nếu có tranh chấp phát sinh sau này hoặc có sự thay đổi tư cách tham gia tố tụng trong vụ án. Yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, kiểm tra chứng cứ, đối chất, thẩm định,... và tất cả các phiên tòa của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án các cấp không triệu tập bà khi giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Điện lực C, tỉnh Long An (nay là Đội quản lý điện T1 – Công ty Đ) trình bày tại Công văn số 249/ĐTV-KT ngày 23/9/2025 như sau:

Trong vụ án trên, Điện lực C, tỉnh Long An (nay là Đội quản lý điện T1 – Công ty Đ) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đội Quản lý điện T1 với vai trò là đơn vị cung cấp điện chỉ có trách nhiệm phối hợp thi hành theo quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Vì vậy, Đội Quản lý điện T1 đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh giải quyết vắng mặt Đội Quản lý điện T1 trong suốt quá trình xét xử vụ án tại Tòa án

nhân dân các cấp. Sau khi quyết định/bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Đội Quản lý điện T1 sẽ phối hợp thi hành theo đúng nội dung quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phi H trình bày: Trước đây để xông đèn cho thanh long thì ông sử dụng nguồn điện từ bình điện trung áp của người khác cách ruộng của ông khoảng 20m – 30m. Sau đó, ông N1 hỏi xin ông đặt trụ điện trên đất của cha con ông thì cha con ông đồng ý và không lấy tiền đền bù để sau này cha con ông có nhu cầu sử dụng đất thì ông N1 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời trụ điện và hệ thống đường dây điện này, các bên đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng. Từ đó đến khoảng cuối năm 2024 thì ông chuyển sang sử dụng nguồn điện trung áp của ông N1 và ông có nghĩa vụ trả tiền điện cho ông N1. Ông có 900 gốc thanh long, kể từ khi ký hợp đồng với ông N1 thì số lượng thanh long không tăng chỉ có giảm vì thanh long bị chết do sâu bệnh. Năm đầu thì ông N1 thực hiện đúng cam kết cho ông xông đèn, sang năm tiếp theo thì bắt đầu gây khó khăn, đến cuối năm 2024 thì không cho ông sử dụng điện nữa. Ông N1 cho rằng do ông xông đèn gây quá tải là không đúng vì ngay từ đầu ông N1 đã biết diện tích thanh long của ông là bao nhiêu, dự liệu được điện năng ông tiêu thụ và đồng ý cho ông sử dụng điện chung. Hơn nữa, 01 năm ông chỉ xông đèn tổng cộng khoảng 02 tháng còn lại 10 tháng ông N1 sử dụng toàn bộ. Theo ông thì nguyên nhân gây quá tải theo lời trình bày của ông N1 do ông N1 còn cho ông N2 sử dụng chung nguồn điện. Mặc dù, ông N2 cũng cho ông N1 đặt trụ điện trên đất của ông N2 nhưng đó là trụ hạ thế còn trụ điện trên đất ông là 01 trụ trung thế, 01 trụ hạ thế nên ông là người bị giới hạn về quyền sử dụng đất nhiều hơn. Hiện nay, do trồng thanh long bị lỗ vốn ông N cần chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở để cất nhà ra riêng, trên đất có đường dây tải điện trung thế nên không thể làm thủ tục được nên ông N yêu cầu ông N1 tháo dỡ, di dời trụ điện, bình điện và đường dây điện này để ông N sử dụng đất. Ông N đồng ý cho ông N1 thời hạn 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm để ông N1 thực hiện việc tháo dỡ, di dời. Do các bên đã thỏa thuận chi phí tháo dỡ, di dời do chủ đầu tư chịu toàn bộ nên ông không đồng ý hỗ trợ cho ông N1 chi phí này.

Ông Nguyễn Hoàng N1 trình bày: Ông không biết ông H có bao nhiêu gốc thanh long, ông chỉ biết tại địa phương thì ông H có tổng cộng 03 đám thanh long. Kể từ khi ký hợp đồng với ông đến nay thì diện tích thanh long của ông H không tăng. Theo thỏa thuận ban đầu thì ông H được xông đèn cùng một lúc 03 đám thanh long này. Năm đầu ông H vẫn xông đèn 03 đám thanh long cùng lúc, sang đến năm tiếp theo thì ông H chia ra 02 đợt một đợt xông 02 đám và một đợt xông đám còn lại. Đến năm 2024, ông H chỉ báo với ông là xông đèn nhưng

không báo xông bao nhiêu đám thanh long, ông nghĩ là ông H xông trước 02 đám như những lần trước nhưng thực tế ông H lại xông cả 03 đám cùng lúc mà không báo cho ông biết. Do lo sợ ông H xông đèn gây quá tải làm cháy nổ cầu chì nên ông có nói là nếu ông H còn xông đèn như vậy thì ông không cho ông H sử dụng điện nữa nhưng ông H không đồng ý nên cuối năm 2024 ông không cho ông H sử dụng điện chung.

Trước đây, ông có nuôi tôm với quy mô nhỏ nên ông sử dụng nguồn điện sinh hoạt hàng ngày để chạy máy cho đầm tôm. Sau này, ông có nhu cầu mở rộng kinh doanh nên mới thỏa thuận với ông H để đặt bình điện 75KVA trên đất của ông H mới đủ điện áp sử dụng. Vợ chồng ông sử dụng nguồn điện sinh hoạt khác với nguồn điện sản xuất, kinh doanh.

Các bên không có thỏa thuận về thời gian ông được đặt trụ điện 75KVA, ông cũng không có đền bù cho ông N bất kỳ khoản tiền nào do việc ông đặt trụ điện trên đất ông N. Hiện nay, ông N và ông H yêu cầu ông di dời trụ điện thì ông đồng ý nhưng với điều kiện ông N, ông H phải chừa cho ông 01 phần đất khác để ông đặt lại trụ điện và vị trí này phải nằm trên đường dây trung áp của ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đây là loại kiện “Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ, di dời trụ điện, bình điện, đường dây điện” thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án tiến hành thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; thủ tục thụ lý vụ án và thông báo về việc thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thu thập chứng cứ, xác minh và công khai chứng cứ cũng như hòa giải.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và chấp hành nội quy phiên tòa do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông N và ông N1 là thỏa thuận dân sự thể hiện sự tự nguyện của các bên. Nay ông N không tự nguyện tiếp tục để cho ông N1 thực hiện việc đặt trụ điện và kéo đường dây điện trên đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nghĩa L chính đáng. Mặt khác, thỏa thuận ngày

12/8/2020 giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1 có nội dung “...nếu sau này có xảy ra tranh chấp giữa các bên hoặc di dời... thì chủ đầu tư chịu trách nhiệm giải quyết và chịu chi phí di dời công trình nêu trên...”. Nay ông N muốn thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và cất nhà trên thửa đất trên, xét thấy đây là nhu cầu chính đáng của chủ sở hữu, nên ông N1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời trụ điện và đường dây điện ra khỏi đất của ông N để đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc sử dụng đất.

Ông N1 yêu cầu ông N phải chừa 01 phần đất khác để ông đặt lại trụ điện và phải nằm trên đường dây trung áp của ông nhưng không được sự đồng ý của ông N nên không chấp nhận.

Nguyên đơn tự nguyện cho bị đơn lưu tài sản trên đất 06 tháng để chuẩn bị di dời nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 255, 256 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Đức N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời 02 trụ điện, bình điện và đường dây điện thuộc sở hữu của vợ chồng ông N1, bà B đang đặt trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An do ông N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ, di dời trụ điện, bình điện, đường dây điện”. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Đức N khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; ông Nguyễn Hoàng N1 là người bị kiện nên được xác định là bị đơn; bà Trần Thị Ngọc B, ông Nguyễn Văn N2 và Điện lực C, tỉnh Long An (nay là Đội quản lý điện T1 – Công ty Đ) được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Việc ủy quyền của các đương sự hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự:

Ông Nguyễn Đức N do ông Nguyễn Phi H là người đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có mặt; Điện lực C, tỉnh Long An (nay là Đội quản lý điện T1 – Công ty Đ) vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Điện lực C, tỉnh Long An (nay là Đội quản lý điện T1 – Công ty Đ) và ông N2 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về thủ tục tiền tố tụng:

Vụ án liên quan đến yêu cầu tháo dỡ, di dời trụ điện, bình điện và đường dây điện theo quy định không cần tiến hành thủ tục tiền tố tụng. Tuy nhiên, tranh chấp của các đương sự đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An hòa giải vào ngày 04/12/2024 kết quả hòa giải không thành.

[5] Về chứng cứ:

Các bên có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 6 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Về phạm vi xét xử:

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức N, thấy rằng:

[7.1] Những nội dung các đương sự thống nhất:

Ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1 trình bày thống nhất hiện nay trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An do ông N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 01 trụ điện trung thế cao 14m có gắn bình điện 75KVA, 01 trụ điện hạ thế cao 7,5m và hệ thống đường dây dẫn điện từ trụ điện trung thế qua trụ điện hạ thế về đầm nuôi tôm của ông N1. Hai trụ điện, bình điện và đường dây dẫn điện này thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông N1, bà B. Thỏa thuận đặt trụ dẫn điện được xác lập theo các nội dung thể hiện tại văn bản thỏa thuận năm 2020 và văn bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 giữa ông N và ông N1. Các bên không có thỏa thuận thời gian ông N1 được đặt trụ điện, việc đặt trụ dẫn điện là không có đền bù, ông N1 không thanh toán cho ông N bất kỳ khoản tiền nào. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là các tình tiết không phải chứng minh.

[7.2] Những nội dung các đương sự không thống nhất:

Ông N1 trình bày ông N yêu cầu ông di dời trụ điện, bình điện và đường dây dẫn điện thì ông đồng ý nhưng với điều kiện ông N, ông H phải dành cho ông 01 phần đất khác để đặt lại trụ điện, vị trí này phải nằm trên đường dây trung áp của ông thì ông đồng ý di dời. Yêu cầu này của ông N1 không được ông H là người đại diện theo ủy quyền của ông N đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

[7.3] Xét văn bản thỏa thuận năm 2020 và văn bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1, thấy rằng:

Văn bản thỏa thuận năm 2020 và văn bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 được giao kết giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1, trong đó ông N tham gia với tư cách là hộ dân có liên quan do có trụ điện trung thế và đường

dây tải điện trung thế đi qua đất, ông N1 tham gia giao kết với tư cách là chủ đầu tư. Thỏa thuận này đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) xác nhận.

Thấy rằng, các bên giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực thi hành. Các bên thống nhất *“sau này có xảy ra tranh chấp giữa các bên có liên quan hoặc di dời, giải tỏa đường dây phục vụ xây dựng đường giao thông, công trình kiến trúc,... thì Chủ đầu tư chịu trách nhiệm giải quyết và chịu chi phí di dời công trình nêu trên”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H trình bày hiện nay ông N có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27 nêu trên sang đất thổ để cất nhà ra ở riêng nên yêu cầu ông N1 thực hiện theo thỏa thuận tháo dỡ, di dời 01 trụ điện trung thế cao 14m có gắn bình điện 75KVA, 01 trụ điện hạ thế cao 7,5m và hệ thống đường dây dẫn điện từ trụ điện trung thế qua trụ điện hạ thế về đầm nuôi tôm của ông N1 ra khỏi thửa đất số 551 để ông N sử dụng đất. Thấy rằng, ông Nghĩa L chủ sử dụng đất hợp pháp được Nhà nước công nhận, ông N chưa được Nhà nước giải quyết bồi thường bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến quyền sử dụng đất tại thửa đất số 551 nêu trên (theo Công văn số 617/UBND-TH ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh) và việc ông N cho ông N1 đặt trụ điện để kéo đường dây tải điện trung thế đi qua đất của ông Nghĩa L không có đền bù, không thỏa thuận thời gian đặt trụ điện. Do đó, ông N có đầy đủ các quyền của 01 chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất số 551 nêu trên.

Mặt khác, ông N1 trình bày trước đây quy mô đầm nuôi tôm của ông N1 nhỏ nên ông sử dụng nguồn điện sinh hoạt để chạy máy cho đầm tôm. Sau này, ông có nhu cầu mở rộng kinh doanh nên đầu tư hệ thống điện trung thế để chạy máy cho đầm nuôi tôm. Nguồn điện dùng để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của gia đình ông khác với nguồn điện trung thế phục vụ sản xuất kinh doanh. Do đó, trong trường hợp này ông N1 muốn đặt trụ điện, bình điện 75KVA để kéo đường dây tải điện trung thế về phục vụ sản xuất kinh doanh thì phải thỏa thuận và được sự đồng ý của chủ bất động sản liền kề, ông N1 không thuộc trường hợp có quyền đối với bất động sản liền kề do địa thế tự nhiên và mục đích phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày theo quy định tại Điều 246, 255 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hơn nữa, theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220kV:

- Không được xây dựng nhà cửa, công trình, trồng cây vi phạm khoảng cách sau: 2m về mỗi bên theo chiều rộng và bên trên theo chiều thẳng đứng, 3m bên dưới dây dẫn theo chiều thẳng đứng.

- Không được xây dựng nhà cửa, công trình bằng vật liệu dễ cháy bên dưới đường dây.

Do đó, để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông N thì cần buộc ông N1 và bà B thực hiện theo thỏa thuận tại bản thỏa thuận năm 2020 và bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 giữa ông N và ông N1 là tháo dỡ, di dời 02 trụ điện, bình điện và đường dây điện thuộc sở hữu của vợ chồng ông N1, bà B đang đặt trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27 do N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông N sử dụng đất theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông N1 trình bày ông đồng ý di dời trụ điện, bình điện và đường dây tải điện theo yêu cầu của ông N nhưng với điều kiện ông N, ông H phải dành cho ông 01 phần đất khác để đặt lại trụ điện, vị trí này phải nằm trên đường dây trung áp của ông. Yêu cầu này không được ông N đồng ý, các bên cũng không có thỏa thuận vị trí khác để đặt lại trụ điện trên đất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[7.4] Về chi phí tháo dỡ, di dời:

Theo thỏa thuận tại văn bản thỏa thuận năm 2020 và văn bản thỏa thuận ngày 12/8/2020 giữa ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Hoàng N1 thì “*Chủ đầu tư chịu trách nhiệm giải quyết và chịu chi phí di dời công trình nêu trên*”. Tại phiên tòa, ông H không đồng ý hỗ trợ cho ông N1 chi phí tháo dỡ, di dời nên ông N1 và bà B có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí tháo dỡ, di dời công trình.

[7.5] Tại phiên tòa, ông H đồng ý cho ông N1 và bà B thời hạn 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) để tháo dỡ, di dời các tài sản của ông N1 và bà B gồm: 01 trụ điện trung thế cao 14m có gắn bình điện 75KVA, 01 trụ điện hạ thế cao 7,5m và hệ thống đường dây dẫn điện từ trụ điện trung thế qua trụ điện hạ thế đang đặt tại thửa đất số 551 nêu trên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông N1, bà B có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời xong toàn bộ tài sản ngay khi kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

[7.6] Ông Nguyễn Văn N2 là người sử dụng chung đường dây tải điện trung thế do ông N1 là chủ đầu tư. Ông N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 1.800.000 đồng: Ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ. Do ông Nguyễn Đức N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên ông N1 và bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền 1.800.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N được chấp nhận.

Ông Nguyễn Đức N không phải chịu án phí. H1 lại cho ông N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 246, 255, 256 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Đất đai 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức N về việc “Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ, di dời trụ điện, bình điện, đường dây điện”.

1.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các tài sản của ông N1 và bà B gồm: 01 trụ điện trung thế cao 14m có gắn bình điện 75KVA, 01 trụ điện hạ thế cao 7,5m và hệ thống đường dây tải điện đang đặt tại thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 767557 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Đức N ngày 19/4/2017 ra khỏi thửa đất số 551, tờ bản đồ số 27 nêu trên. Toàn bộ chi phí tháo dỡ, di dời các tài sản trên do ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ chịu.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đức N cho ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B thời hạn 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) để tháo dỡ, di dời các tài sản nêu trên. Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) nếu ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B chưa thực hiện việc tháo dỡ, di dời tài sản thì ông Nguyễn Đức N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành quyết định của Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B tháo dỡ, di dời các tài sản nêu trên.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng): Buộc ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ. Do ông Nguyễn Đức N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Đức N số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3.2. Ông Nguyễn Đức N không phải chịu án phí. H1 lại cho ông Nguyễn Đức N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010708 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Đình – Đinh Ngọc Minh

Nguyễn Thị Thúy An